

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Xuân Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Bùi Thị Lê
- Ông Lê Nhật Hoàng Phương

*Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Lê Thục Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 250/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Tố N, sinh năm 1975; Địa chỉ: 5 N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1975; Địa chỉ: 5 N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tố N trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Hữu L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND phường F, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 25/8/1997. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp quan điểm sống, ông L nhiều lần hành hung, đánh đập bà. Đến năm 2023, bà không chịu đựng được nữa nên bỏ đi. Kể từ đó vợ chồng không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1998 và Nguyễn Bích H, sinh ngày 31/7/2008. Ly hôn, cháu D đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết; đối với cháu H hiện đang sống với bà nên bà xin nuôi dưỡng, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Hữu L vắng mặt nên không trình bày.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: - Về hôn nhân: bà Huỳnh Thị Tố N được ly hôn ông Nguyễn Hữu L; - Về con chung: cháu D đã trưởng thành và phát triển bình thường đương sự không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết; giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con; - Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết; - Về án phí: đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hữu L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Tố N và ông Nguyễn Hữu L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường F, thành phố T cấp giấy chứng nhận kết hôn 55 ngày 25/8/1997, là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà N, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và ông L hành hung, đánh đập bà. Từ năm 2023, bà N và ông L không sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn là thuộc trường hợp mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần triệu tập ông L để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông L không đến thể hiện ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1998 và Nguyễn Bích H, sinh ngày 31/7/2008. Cháu D đã trưởng thành và phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu H, bà N hiện đang nuôi dưỡng và cháu H cũng có nguyện vọng ở với chị N. Do đó, để cháu H phát triển tốt về thể chất và tinh thần, chấp nhận yêu cầu của bà N giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái. Bà N trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp quy định pháp luật do đó, buộc ông L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2024.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà Huỳnh Thị Tố N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Huỳnh Thị Tố N được ly hôn ông Nguyễn Hữu L.

- Về con chung: Con chung Nguyễn Thị Bích D đã trưởng thành và phát triển bình thường, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Giao con chung tên Nguyễn Bích H, sinh ngày 31/7/2008 cho bà Huỳnh Thị Tố N nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Hữu L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời hạn cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2024 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Tố N phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002661 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Ông Nguyễn Hữu L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- UBND phường 6, thành phố Tuy Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Xuân Thu**

